

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM
Tập 5

Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Cảnh Mỹ, [Đài Bắc], Đài Loan

Bài giảng thứ năm - Tháng 12 năm 1983

Số lưu trữ: 08-004-0005

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng

(Nguyễn Minh Tiến dịch)

Mời quý vị mở [sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành, quyển hạ], trang 807. Hôm qua đã giảng đoạn này, trong phần chú giải có dẫn hai công án, một là về Pháp sư Lâm, một là về Tôn Kính Đức. Hai công án này đều có trong phần Âm Nghĩa của bản kinh này. Phần về Pháp sư Lâm được ghi ở trang 1087 của bản in chúng ta đang dùng, quý vị có thể tự ghi nhớ và tra cứu là được. Phần công án về Tôn Kính Đức nằm ở trang 1088, chúng ta cũng không cần giảng lại, quý vị tự ghi nhớ. Nếu như muốn tham khảo, có thể mở xem phần Âm Nghĩa ở cuối sách.

Tiếp theo là phần “biệt đáp”, tức là giải đáp cụ thể, chính là nội dung chính của phẩm kinh này, nói về mười hai đại nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Phần này chia làm ba đoạn lớn. Đoạn thứ nhất nói việc thoát được bảy nạn; đoạn thứ hai nói việc lìa được ba độc; đoạn thứ ba nói việc đáp ứng hai sự mong cầu.

Trong đoạn thứ nhất lại chia làm hai đoạn nhỏ. Đoạn nhỏ thứ nhất giảng rõ về bảy nạn; đoạn nhỏ thứ hai tóm kết về thần lực của Bồ Tát.

Đoạn nhỏ nói về bảy nạn lại chia ra bảy phần. Phần thứ nhất nói về việc thoát nạn lửa thiêu.

Mời quý vị mở xem Kinh văn:

“Nếu có người trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, dù cho nhảy vào lửa dữ, lửa cũng không thiêu đốt được. Đó là do sức oai thần của Bồ Tát.”

Trong phần chú giải, Đại sư nói: “*Từ đây trở đi [ý nghĩa] không ngoài ba nghiệp là căn bản.*” Ý nói phạm vi cả mười hai đại nguyện này đều không ra ngoài ba nghiệp thân, khẩu và ý. “*Gặp bảy nạn xung niệm danh hiệu Bồ Tát, đó là lấy khẩu nghiệp làm căn bản; muốn trừ ba độc thường niệm danh hiệu Bồ Tát, đó là lấy ý nghiệp làm căn bản.*” Cho nên, muốn trừ ba độc [tham, sân, si] thì trong tâm phải thường niệm tưởng, nhớ nghĩ đến Bồ Tát Quán Thế Âm. Hai sự

mong cầu muốn được đáp ứng thì phải lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là lấy thân nghiệp làm căn bản.

Do đó, muốn cầu được sự gia trì của Bồ Tát Quán Thế Âm thì nhất định phải lễ bái, đó là dùng ba nghiệp cung kính. Ý nghĩa này trong ngày hôm qua đã giảng với quý vị. Đại sư Thanh Lương trong phần chú giải kinh Hoa Nghiêm cũng giảng rõ với chúng ta ý nghĩa này. Quý vị xem chú giải kinh Hoa nghiêm, trong chương Quán Tự Tại, sẽ hiểu rõ được cách cầu nguyện Bồ Tát như thế nào để được cảm ứng.

Mấy câu này là nêu tổng quát, tìm hiểu sâu vào suốt đoạn lớn này chính là nói về mười hai đại nguyện. Phần tiếp theo giải thích những cách dùng chữ “nếu có” trong kinh văn. Kinh này thường dùng cách nói như vậy, ý nghĩa là giả thiết, là nói “ví như có xảy ra”, “đều là nói những trường hợp không xác định”. Ý nói rằng nếu như có những tai nạn như vậy xảy ra, nếu ứng dụng tu tập pháp môn này thì đều có thể thoát khỏi. Phần tiếp theo dẫn Kinh Lăng Nghiêm để giải thích do đâu mà Bồ Tát Quán Thế Âm có được năng lực gia trì như vậy. Trong phẩm Phổ Môn chỉ nói việc gia trì, không nói việc do đâu Bồ Tát có năng lực gia trì như vậy. Cho nên phải kết hợp xem cả hai bộ kinh mới hiểu được.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Thứ hai là, xoay cái thấy vào trong, nên khiến cho chúng sinh ví như có vào lửa lớn, lửa cũng không thể thiêu đốt.”*

Chúng ta cùng đọc tiếp hai hàng rưỡi phần chú giải in nhỏ bên dưới.

“Thấy biết thuộc hỏa”, là nói trong bốn đại thì “thấy biết” thuộc về hỏa đại. *“Chỗ thấy biết xoay vào trong thì là được lửa ngoài cảnh trần. Cảnh trần huyễn hóa đã là, chân tánh vẫn còn, nên không bị lửa làm hại. Do sự gia trì từ oai lực của Bồ Tát đã là được cảnh trần xoay lại chân tánh, nên chúng sinh khi vào lửa dữ, trì niệm danh hiệu Bồ Tát thì lửa cũng không thể thiêu đốt.”*

Nói đến “chỗ thấy biết” thì cũng đã bao gồm cả sáu căn. Sáu căn của chúng ta thì tác dụng là thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nhận biết. Ở nhãn căn gọi là thấy, ở nhĩ căn gọi là nghe, ở tỷ căn gọi là ngửi, ở thiệt căn gọi là nếm, ở thân căn gọi là xúc chạm, ở ý căn gọi là nhận biết. Sáu căn này thật ra đều là tác dụng khởi lên từ một tánh biết sáng suốt, cho nên nói rằng “vốn từ một bản tánh sáng suốt, phân chia thành sáu căn hòa hợp”.

Nói “xoay trở lại” tức là quay đầu, nghĩa là những tác dụng [từ sáu căn] của chúng ta không còn hướng ra bên ngoài trần cảnh, mà quay lại hướng vào bên trong, tức là rõ biết sự quay đầu. Trong tất cả kinh điển thuyết dạy chúng sinh,

chư Phật luôn nêu ý nghĩa này trước nhất. Chúng ta trong kinh Kim Cang có thể thấy được, đức Phật Thích-ca Mâu-ni vào thành Xá-vệ khát thực, khát thực xong liền quay trở về tinh xá, rửa chân, trải tòa ngồi. Đây chính là biểu thị ý nghĩa có thể “quay về”. Bệnh của chúng ta chính là không biết “quay về”. Không biết quay về nên tâm chúng ta liền bị cảnh trần bên ngoài xoay chuyển, xô đẩy, cho nên gọi là phạm phu.

Vì thế mà trong sự tu học nghiêm túc thì bất luận khi làm việc gì, khởi tâm động niệm, trong tất cả việc làm đều phải biết “quay về”. Người biết quay về thì sự nghiệp ở thế gian được thành tựu, trong việc tu học xuất thế gian pháp cũng sẽ được thành tựu. Vì sao vậy? Đây là điều thuộc về thiện căn, phước đức. Ở thế gian gọi là phước đức, người biết quay về là người có phước đức. Nói chung, người làm việc gì cũng biết quay về là người có phước đức. Còn đối với người học Phật, nếu tâm có thể quay về thì là người có thiện căn, sự tu học nhất định có thành tựu.

Cho nên trong Phật pháp nói đến việc quán cơ, tức là quán xét căn cơ của chúng sinh. Người nào căn tánh thuần thực thì có thể hóa độ, người nào căn tánh chưa thuần thực thì chỉ có thể giúp họ gieo hạt giống lành.

Vậy dựa vào đâu để quán xét căn cơ? Chính là quán xét xem người ấy có thể “quay về” hay không, dựa vào chỗ đó mà xem xét. Nếu trong mỗi một niệm tưởng đều có thể quay sự sáng suốt trở lại soi chiếu vào trong tâm mình thì đó là người căn tánh thuần thực, Phật Bồ Tát nhất định sẽ giúp đỡ gia hộ, bởi vì ngay trong một đời người ấy có thể chứng quả, có thể thành tựu, cho nên nói đó là chúng sinh căn tánh thuần thực.

Còn trong pháp thế gian, quý vị cứ xem như cách dùng người của các công ty, cửa hàng hiệu, hoặc của những vị đứng đầu các cơ quan, đơn vị, thì thấy họ cũng biết quán xét căn cơ. Những người nào có thể được họ sử dụng, được họ đề bạt? Đó là những người làm việc biết quay đầu, nghiêm túc, có trách nhiệm, suy xét tinh tế, kín đáo. Những người như vậy thì họ nhất định sẽ bồi dưỡng, để trong tương lai thành cán bộ của mình.

Từ đó có thể biết rằng, hai chữ “quay về” đối với cả thế gian và xuất thế gian đều rất được xem trọng.

Chúng ta học Phật nếu muốn được thành tựu thì đối với hai chữ này nhất định không thể xem nhẹ. Nguyên do Bồ Tát Quán Thế Âm có được năng lực gia trì chính là nhờ biết quay về. Cho nên trong nhà Phật thường nói “quay đầu là bờ”, quay trở lại cũng chính là quay đầu. “Quay” tức là xoay chuyển, “về” tức là

trở về trạng thái ban sơ, chính là nói “quay đầu là bờ”. Chính trong lúc ấy, Bồ Tát Quán Thế Âm xoay hư vọng, quay về chân thật. Ngay khi các căn tiếp xúc với cảnh trần liền sinh ra các thức, ví như nhãn căn của chúng ta tiếp xúc với sắc trần, con mắt nhìn thấy hình sắc, liền khởi lên sự phân biệt, bám chấp. Phân biệt bám chấp chính là thức; thức đã khởi sinh thì đó là hư vọng.

Vậy “quay về” nghĩa là gì? Là ngay lúc [thức khởi sinh] liền lập tức “quay về”. Một khi đã quay về, thức liền không khởi sinh, nên vẫn ở trong cảnh giới này mà không tiếp tục phân biệt, bám chấp; tâm phân biệt, bám chấp liền dứt trừ.

Đã dứt trừ rồi thì công phu như thế nào? Công phu xoay chiếu vào trong; xoay chiếu vào trong chính là trở về tâm chân thật. Tâm chân thật là gì? Là tâm chuyên nhất, cũng tức là tâm thanh tịnh. Khi ấy mắt chúng ta nhìn thấy hết thấy hình sắc bên ngoài đều là soi chiếu, soi chiếu thật rõ ràng, nhưng trong lúc nhìn thấy không có sự phân biệt, bám chấp; tâm không sinh khởi, không khởi động niệm, đem tâm chân thật đối diện với trần cảnh, đó gọi là “quay về”.

Cho nên nói “quay về” thì quý vị phải hiểu đúng ý nghĩa như vậy. Nếu quý vị hiểu sai thì phiền phức rất lớn.

Hiểu sai là như thế nào? Là nghĩ rằng quay vào trong để nhìn thấy, nhưng bên trong có gì để nhìn thấy? Mắt chúng ta chỉ có thể nhìn ra bên ngoài, làm sao nhìn được vào bên trong? Tai chỉ có thể nghe tiếng bên ngoài, làm sao nghe được bên trong? Đó chính là quý vị chạy theo câu chữ để tìm ý nghĩa, chính là chết trong văn tự, âm thanh, như vậy là sai lầm.

Cho nên nói “quay về” thì không gì khác hơn là dứt vọng hiển chân, chính là ý nghĩa đó. Nếu như không hiểu rõ được ý nghĩa đó, vận dụng sai lầm thì chẳng những không có lợi ích gì mà còn có hại.

Cũng giống như thuở xưa có người đọc sách của Khổng Tử, đến câu “cách vật trí tri” (格物致知) liền thực hành “cách vật”. Người ấy “cách vật” như thế nào? Người ấy cho rằng “cách” (格) là nghiên cứu, liền đối với sự vật đều nghiên cứu chi ly tinh tế, chính là như phương pháp của khoa học hiện nay. Nghiên cứu như thế, cuối cùng cũng chỉ là bệnh nặng, vấn đề vẫn không hề giải quyết được. Đây chính là vì không hiểu đúng ý nghĩa của hai chữ “cách vật”.

Về thuyết “cách vật” của Nho gia, Tư Mã Quang giải thích rất hay. “Vật” là gì? Ở đây là chỉ cho dục vọng, là sự ham muốn của chúng ta. “Cách” là gì? Là dứt trừ, diệt bỏ, như trong Phật pháp nói dứt trừ phiền não. Có người giải thích rằng đó là công phu tự chế bản thân, phải tự khắc chế dục vọng của mình, biết hài

lòng với những gì hiện có nên thường sống an vui. Ý nghĩa “cách vật” được giảng giải như vậy.

Khi quý vị biết hài lòng với những gì hiện có, tâm không hướng ra bên ngoài chạy theo ngoại duyên thì tâm quý vị tự nhiên thanh tịnh; trong tâm thanh tịnh liền khởi sinh trí tuệ, gọi là “trí tri”, tức là trí tuệ có khả năng hiểu biết.

Có thể thấy nhà Nho giảng giải công phu như vậy, trình tự với phương pháp đều không khác với Phật pháp, đúng như câu nói: “Chỗ thấy của các bậc anh hùng đều tương đồng về đại thể.” Đức Phật là bậc thánh nhân, Khổng Tử cũng là thánh nhân, cho nên kiến giải của các vị có rất nhiều chỗ tương đồng. Hai vị này chưa từng gặp mặt, cũng chưa từng cùng nhau trò chuyện, bàn bạc, nhưng kiến giải của các vị tương đồng rất nhiều.

Cho nên chúng ta phải hiểu rõ thế nào gọi là “quay về”. Ý nghĩa hai chữ này nhất định phải hiểu rõ, chính là giữ cho tâm chúng ta khi ở trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng đều phải biết “quay về”. Vì sao phải quay về? Không “quay về” không được sao? Trong kinh Kim Cang nói rất rõ: “Những gì có hình tướng đều là hư vọng.” Vì tất cả hình tướng trong cảnh giới đều không chân thật, nên làm sao có thể không quay về? Không quay về tức là vọng tâm chạy theo vọng cảnh, như vậy thì càng mê muội, càng lún sâu. Mê muội rồi nhất định khởi lên hư vọng, liền có sự tạo tác; tạo tác rồi không tránh khỏi có thiện ác; đã có thiện ác thì liền có nghiệp báo. Cho nên sáu đường luân hồi chính là do tự mình tạo thành; khởi sinh mê hoặc, tạo nghiệp rồi chiêu cảm quả báo, đó chính là sáu đường luân hồi.

Chỗ này nói bảy loại tai nạn chính là thuộc về quả báo, ba độc [tham, sân, si] chính là nghiệp nhân, chính là tạo nghiệp. Cho nên bảy loại tai nạn [thuộc về quả báo], Bồ Tát nói là có thể cứu được. Thế nhưng tai nạn thuộc về quả báo nói thật ra không đáng sợ; tai nạn thuộc về nghiệp nhân mới thật sự đáng sợ, nghĩa là ba độc [tham, sân, si] mới thật sự đáng sợ. Ba độc nếu đã dứt trừ thì [bảy loại] tai nạn thuộc về quả báo không có gì đáng sợ; những tai nạn đó rất dễ tiêu trừ. Cho nên trong mười hai nguyện này, lấy việc dứt trừ ba độc làm phần quan trọng nhất.

Ý nghĩa ở đây chính là “xoay chỗ thấy biết vào trong”, chính là từ chỗ thấy biết không chân chánh mà quay trở lại, quay về chỗ thấy biết chân chánh. Phương pháp vận dụng công phu của Bồ Tát Quán Thế Âm là từ nơi nhĩ căn xoay cái nghe lại nhập vào dòng thánh. Ngài dùng phương pháp như vậy. Phương pháp thì có rất nhiều, cho nên nói là “vô lượng vô biên”, như quý vị thấy trong bốn nguyện lớn mà chúng ta thường niệm có nói: “Pháp môn vô lượng thế nguyện học.”

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng phương pháp như vậy mà thành tựu, nên phương pháp này thích hợp với Ngài, Ngài vận dụng rất thuận lợi, rất thoải mái, không một chút miễn cưỡng, như vậy mới dễ dàng thành tựu. Nếu như pháp môn đó đối với chúng ta thấy có phần miễn cưỡng, vận dụng không được thuận lợi thì chúng ta nên từ bỏ. Cũng giống như khi chúng ta muốn vào giảng đường này, ví như giảng đường này bốn phía đều có cửa. Có rất nhiều cửa vào giảng đường, giống như có rất nhiều pháp môn để thể nhập pháp giới nhất chân. Chúng ta đứng ở cửa giảng đường này, từ cửa này vào rất thuận tiện thì không cần đi vòng đường xa, đi vào cửa khác, vì vào được bên trong đều là như nhau. Quý vị phải hiểu được ý nghĩa này, sau đó mới tự mình biết lựa chọn pháp môn.

Nhưng dù là cùng một pháp môn, phương pháp tu học cũng không hoàn toàn giống nhau. Tất cả đều phải thuận theo căn tánh của mình, thuận theo phương thức sinh hoạt hiện tại của mình, như vậy mới có thể hoàn toàn tự nhiên. Cho nên mới có thể an vui tu tập, không cảm thấy có sự gò bó, trói buộc, không có khổ não, không hề cảm thấy như vậy. Cho nên Phật mới dạy rất nhiều pháp môn, không phải chỉ một pháp môn, không phải khác với pháp môn này là không được, không phải như vậy. Hết thấy các pháp môn đều bình đẳng, không có cao thấp; bất kỳ pháp môn nào, chỉ cần quý vị thấu hiểu được ý nghĩa “quay về” thì đều có thể thành tựu đạo vô thượng.

Bồ Tát Quán Thế Âm từ nơi nhĩ căn [mà tu tập], có người do vậy cho rằng nhĩ căn là nhảy bén. Thế nhưng có một số người, như hiện nay cũng có, quý vị giảng nói với họ rất nhiều, họ nghe đi nghe lại nhiều lần cũng không hiểu; quý vị viết ra đưa cho họ xem, họ vừa xem qua liền hiểu ngay. Vì sao vậy? Vì nhĩ căn của họ nhảy bén. Tôi cũng đã từng gặp rồi, những người ấy khi nghe diễn giảng thì không thích, nhưng quý vị đem bài giảng ấy viết ra, họ xem qua liền hiểu ngay. Cho nên có người nhĩ căn nhảy bén, cũng có người nhãn căn nhảy bén. Căn tánh nào nhảy bén thì chúng ta vận dụng căn tánh đó; pháp môn nào thích hợp thì chúng ta chọn pháp môn đó, chỉ cần nguyên tắc, nguyên lý không sai là được. Không nhất định rằng người khác tu pháp môn đó được thành tựu thì mình cũng phải tu pháp môn đó. Cũng giống như việc điều trị bệnh. Người ấy mắc bệnh, uống thuốc đó liền hết bệnh; tôi cũng mắc bệnh, vội vàng đi mua thuốc giống như vậy để uống. Nhưng hai người mắc bệnh không giống nhau, khi uống thuốc đó vào thì bệnh có thể nặng thêm, có thể chết mất. Cũng vậy, mỗi người căn tánh không giống nhau, người khác tu pháp môn đó dễ dàng thành tựu, chúng ta tu pháp môn đó chưa chắc có thể thành tựu. Cần phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

“Một căn quay về nguồn, sáu căn đều giải thoát”, vì các căn có mối quan hệ liên đới với nhau. Chúng ta hiểu rõ được ý nghĩa “một căn quay về nguồn, sáu căn đều giải thoát” thì lập tức liên tưởng đến câu nói của người xưa: “Thông hiểu một bộ kinh thì thông hiểu tất cả kinh.” Quý vị thông đạt một bộ kinh rồi thì tất cả kinh đều có thể thông đạt. Điều này so với “một căn quay về, sáu căn đều giải thoát” cũng là cùng một ý nghĩa. Ngàn kinh muôn luận đều giảng giải một ý nghĩa, quý vị thấu hiểu được ý nghĩa đó rồi thì ngàn kinh muôn luận đều thông đạt. Chính vì vậy, nên các bậc cổ đức mới đề xướng việc tu tập từ căn bản. Căn bản là gì? Trong tất cả kinh luận, quý vị thấy ưa thích một bộ kinh, quý vị đối với bộ kinh này đặc biệt có cảm tình. Quý vị quyết định trong suốt một đời này tu tập bộ kinh này, học bộ kinh này. Như vậy, bộ kinh này được gọi là căn bản. Thấu hiểu, thông đạt bộ kinh này rồi thì tất cả kinh khác đều thông đạt. Đây gọi là tu tập từ căn bản.

Cho nên ở Trung quốc thời xưa, quý vị thấy các tông phái đều có cái gọi là căn bản, mỗi tông phái đều có căn bản riêng. Tông Hiền thủ y theo kinh Hoa nghiêm, lấy đó làm căn bản; tông Thiên Thai có căn bản là kinh Pháp Hoa; tông Tịnh Độ lấy căn bản là ba kinh [Vô lượng thọ, Quán Vô lượng thọ và A-di-đà] với một luận là Vãng sanh luận. Mỗi tông phái đều tu tập theo căn bản của mình, mỗi tông phái đều đưa đến thành Phật thành Tổ, mỗi tông phái đều sẽ thành tựu đạo Vô thượng. Nếu như có người nói rằng có bao nhiêu kinh điển đều phải tu học hết, vậy thì trong suốt cả một đời, người ấy cho dù một bộ kinh cũng không học thông suốt được. Điều này chúng ta nên hiểu rõ.

Đã biết pháp Phật dạy tu tập từ căn bản, vậy phải biết căn bản là những gì. Như căn bản của Thiền tông là nói về tâm tánh, đó gọi là “chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người”. Như vậy là căn bản của Thiền tông. Từ đó có thể biết, theo Giáo tông có căn bản của Giáo tông; Tịnh độ có căn bản của Tịnh độ; Mật tông có căn bản của Mật tông; mỗi tông phái đều có căn bản của riêng mình.

Như trên vừa nói, chỗ thấy biết là thuộc về hỏa, tức trong bốn đại thuộc về hỏa đại. Đó là vì “chỗ thấy biết” hàm ý nghĩa là sáng suốt; sáng là tướng của lửa, lửa có tác dụng chiếu sáng. “Xoay chỗ thấy biết”, là nói quay về, liền xa lìa ngọn lửa trần cảnh. Nói cách khác, ngọn lửa thấy biết bên trong đã không còn thiêu đốt thì nạn lửa bên ngoài không thể làm hại; bên ngoài dù có lửa dữ cũng không thể làm hại.

Nói về tai nạn nước lửa, chúng ta đọc kinh văn quả thật khó mà tin được. Nếu thật là như vậy, có thể ở chỗ lửa dữ mà lửa không thiêu đốt, không có tai nạn, vậy thì đội cứu hỏa của thành phố, của quốc gia đều không cần nữa. Lại như hiện

nay quý vị nhìn thấy trong chiến tranh, bom nguyên tử chính là lửa dữ, chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, khi bom nguyên tử rơi xuống lửa liền tắt, ai tin được chứ? Chúng ta có thể nói, những người Phật tử thuần thành nhất cũng không thể tin, người khác làm sao tin!

Xin thưa với quý vị, lửa dữ đó quả thật là không thể thiêu đốt. Lửa muốn có tác dụng thiêu đốt thì nhất định phải có sự tương cảm giữa trong tâm và ngoài cảnh, khi đó lửa mới có tác dụng. Cho nên các bậc cổ đức nói, bốn đại bên trong và bốn đại bên ngoài thường giao cảm với nhau, chúng ta hiện tại sống trong cảnh giới như vậy, cho nên mới có các loại tai nạn. Nếu như bốn đại bên trong đều đã thanh tịnh, xa lìa, bốn đại bên ngoài cũng sẽ được quý vị chuyển hóa. Trong kinh điển từng nói đến lập luận này, cũng có lúc chúng ta đã nghe qua và đồng thuận, kinh nói rằng “cảnh tùy tâm chuyển”. Như thân thể này của chúng ta cho đến hoàn cảnh bên ngoài đều là cảnh giới, đều là những thứ chỉ do tâm ta biến hiện. Chính vì tâm không thanh tịnh nên biến hiện ra bên ngoài cảnh giới như vậy. Chúng ta lại mê trong cảnh giới ấy nên mới hứng chịu đủ loại chướng ngại, đủ loại tai nạn. Một khi tâm đã được thanh tịnh thì cảnh giới bên ngoài cũng sẽ khôi phục sự thanh tịnh.

Cho nên, cảnh giới vốn là nhất chân, cảnh giới vốn là tướng tịch diệt thanh tịnh, làm gì có tai nạn? Nói cách khác, mấy ai có thể thật sự tin chắc điều đó? Cho nên, trong Đại kinh Phật dạy rằng: “Đức tin là nguồn của đạo, là mẹ của các công đức.” Nhưng việc xây dựng tín tâm thật sự rất khó. Chúng ta sở dĩ không có được sự cảm ứng, không đạt được thành tựu, căn bản là vì chúng ta không hiểu về tín tâm, không xây dựng được tín tâm. Hết thấy mọi sự tu học, mọi sự cầu nguyện đều là dựa trên vọng tâm, từ đó mà chạy theo mọi sự hư vọng. Vậy mà không biết quay về tự trách chính mình, ngược lại còn trách lời Phật dạy là không đáng tin, rằng Phật Bồ Tát không linh hiển, rồi quay sang chê trách người bên ngoài. Đó là lỗi lầm rất lớn của chúng ta.

Trong Phật pháp, sự sinh khởi tín tâm là giai đoạn tu học quan trọng nhất. Hiện tại chúng ta nói rằng đã có niềm tin, nhưng nói cho dễ nghe một chút thì chỉ là miễn cưỡng tin, chưa thể nói đó là chánh tín. Chánh tín nghĩa là đối với những lập luận này, đối với tất cả mọi hiện tượng đều có sự hiểu biết chính xác rồi khởi lòng tin, đó mới gọi là chánh tín. Còn như nói thẳng ra hơi khó nghe thì niềm tin hiện tại của chúng ta chỉ là mê tín. Sao gọi là mê tín? Bởi vì chúng ta không hiểu rõ ràng nguyên lý sự thật, không hiểu rõ ràng chân tướng sự thật, chỉ nghe người khác nói rồi liền tin. Chúng ta rốt cuộc không tự mình chứng nghiệm được cảnh giới này, chỉ nghe người khác nói liền tin theo, niềm tin như vậy không phải mê

tín thì gọi là gì? Những gì người thế gian nói là tin theo cách như vậy đều gọi là mê tín; xin thưa với quý vị, không có một điều nào không phải mê tín. Nhà khoa học tin vào khoa học cũng là mê tín. Vì sao vậy? Khoa học không có điểm dừng, những gì ngày nay quý vị tin theo chỉ mới có một phần, còn rất nhiều điều quý vị chưa hiểu được. Khoa học rồi sẽ đưa chúng ta đi đến đâu, có chỗ nào tốt đẹp chẳng? Cho nên ngày nay ngay cả niềm tin của các nhà khoa học cũng luôn dao động. Vì sao vậy? Vì phát triển đến mức như hôm nay, chỉ cần một chút bất cẩn thì toàn thể nhân loại sẽ cùng diệt vong. Đây là kết quả của khoa học. Cho nên, hai chữ “tin Phật” là cực kỳ quan trọng.

Chúng ta nhìn thấy qua các thời đại, như trong những chuyện cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm, ta thấy đủ các hạng người được cảm ứng. Niềm tin của họ tuy là mê tín nhưng cũng có thể khởi sinh tác dụng. Khởi sinh tác dụng gì? Đó là làm khởi sinh thần lực gia trì của Bồ Tát Quán Thế Âm. Những người ấy quả thật được thoát khỏi tai nạn. Niềm tin của họ có sinh khởi tác dụng như vậy.

Vì sao những người ấy tuy mê nhưng có thể khởi sinh tác dụng, còn chúng ta mê không khởi sinh tác dụng? Vì mức độ mê đắm của chúng ta không sâu bằng họ. Chúng ta mê nhưng trong đó còn có sự nghi vấn; họ mê đến mức hoàn toàn tin nhận, không có một chút nghi vấn nào, do đó nên khởi sinh được tác dụng. Cho nên, mê đến cực điểm chính là chân thật! Giác với mê không phải hai điều khác nhau. Giác đến cực điểm giống như mê; mê đến cực điểm giống như giác. Tục ngữ Trung quốc thường nói “Đại trí giống như ngu”; ngu tức là mê, đại trí tức là giác, nhưng đạt đến cực điểm thì chỗ giao nhau đó chính là một, không phải hai. Cho nên những người mê ấy cũng có thể khởi sinh tác dụng. Bồ Tát Quán Thế Âm là cực kỳ giác, những người ấy là cực kỳ mê, hai bên làm khởi sinh tác dụng, đó là tín tâm.

Tín tâm như vậy thuộc về loại nào? Xin thưa với quý vị, đó chính là tâm chí thành. Những người ấy trong tâm không có một chút vọng tưởng, đến mức cực kỳ tinh thuần. Nói cách khác, tâm như vậy chính là chân tâm, không cần phải giải thích theo giáo nghĩa, chân tánh tự nhiên hiển hiện. Thiền tông chính là dùng phương pháp này. Cho nên Thiền tông vừa khởi đầu liền dạy quý vị phát tâm tham cứu, không dạy quý vị nghe kinh, không dạy quý vị đọc tụng. Trừ ra những lúc làm việc, thời gian còn lại chỉ là ngồi thiền, tham cứu.

Vậy Thiền tông có cần xem kinh điển không? Chúng ta thấy các bậc Tổ sư đại đức xưa nay, lấy ví dụ như trường hợp của Lục tổ, trong Pháp bảo đàn kinh Lục tổ trích dẫn kinh điển rất nhiều. Những kinh điển đó nếu ngài chưa từng đọc qua, chưa từng nghe qua thì làm sao có thể trích dẫn? Thiền tông đọc tụng kinh

điển là sau khi tâm địa thanh tịnh, tức là sau khi đã minh tâm kiến tánh mới có thể xem kinh điển. Phương pháp của Giáo tông thì ngược lại, trước tiên phải từ nơi kinh luận mà khởi tu, sau đó mới quay lại cầu đến sự nhất tâm bất loạn, lại cầu tâm thanh tịnh. Trước tiên nghiên cứu lý luận, phương pháp cho thật rõ ràng, sau đó mới cầu chứng nghiệm. Thiền tông thì trước tiên phải đạt được sự chứng nghiệm, sau đó mới đem kinh luận dẫn ra. Để làm gì? Để ấn chứng, để xem chỗ nhận hiểu của mình so với Phật có tương đồng hay không.

Cho nên, kinh điển có hai tác dụng. Đối với người sơ học, kinh điển là nguyên tắc chỉ đường để noi theo; đối với người đã chứng quả, kinh điển là để chứng nhận, xác thực, tức là so chỗ nhận hiểu, thấy biết của người ấy có tương đồng với Phật hay không. Nếu quả thật tương đồng thì chứng minh là tu tập không sai lầm, đúng với tri kiến của Phật.

Do đó có thể biết rằng, điểm cốt yếu chính là ở tín tâm. Nếu chúng ta đối với Bồ Tát không hề nghi ngờ, liền có sự cảm ứng, lửa dữ không thể thiêu, nước lớn không thể nhận chìm, hết thấy mọi tai nạn, hết thấy mọi khổ ách đều được tiêu trừ.

Chúng ta đọc tụng kinh điển Đại thừa, mục đích cũng không ngoài việc xây dựng tín tâm. Nhận hiểu lý lẽ càng rõ ràng, tín tâm của chúng ta càng kiên cố, nghi hoặc càng giảm bớt. Nếu như thực sự không có gì nghi hoặc thì chúng ta đọc tụng kinh điển để làm gì? Không cần phải đọc kinh nữa. Vì thế, điều kiện tu học trong nhà Thiền chính là tín tâm kiên định, không một mảy may nghi ngờ mới có thể tham cứu kinh điển. Vì có nghi ngờ nên phải từ nơi kinh luận mà khởi tu. Cho nên theo giáo học, dù là thế gian hay xuất thế gian, có hai hạng người căn cơ sẵn sàng tiếp nhận. Thứ nhất là hạng thượng trí, nghe một điều hiểu ra ngàn điều, không có sự hoài nghi. Hạng người này rất dễ dạy bảo, dễ dàng thành tựu. Hạng người thứ hai chính là hạng cực kỳ ngu si, không có một ý niệm gì, bảo sao làm vậy. Hạng người này cũng dễ dạy bảo, nhất định sẽ thành tựu.

Khó khăn phiền phức nhất chính là những người chỉ hiểu biết một nửa vấn đề, gọi là biết nửa vời. Nếu quý vị nói họ là người ngu, họ lại có chỗ rất thông minh; quý vị nói họ thông minh, họ lại thật sự rất ngu. Những người này đối với hết thấy các pháp đều nửa tin nửa ngờ, thật khó thành tựu nhất, là những học sinh khó dạy nhất. Quý vị nghĩ xem, chúng ta có phải là những học sinh khó dạy nhất của đức Phật không? Kết quả chỉ là thiệt thòi cho chính mình.

Bồ Tát Quán Thế Âm có thể quay đầu, chính là vì ngài có thể quay đầu, cho nên quay đầu rồi liền thấy được chân tánh, chính là như trong Tâm Kinh nói “soi

thấy năm uẩn đều không”. Bốn đại là pháp hình sắc nằm trong năm uẩn [sắc, thọ, tưởng, hành, thức], không chỉ pháp hình sắc là không, mà ngay cả những pháp thuộc tâm như thọ, tưởng, hành, thức cũng là không, cho nên mới “vượt qua hết thấy mọi khổ ách”. Câu kinh này là cương lĩnh tổng quát, những điều chúng ta bàn đến hôm nay là chi tiết bên trong, từng điều một qua [cương lĩnh ấy] đều tự hiển lộ.

Cho nên khi Bồ Tát “xoay lại chỗ thấy biết”, ngài không còn thấy có nghiệp quả, không có hiểu biết sai lầm, lửa [ngoài trần cảnh] với trong tâm ngài không có sự tương cảm. Đây là nói về nguyên do năng lực của ngài, có thể vào trong lửa cũng không bị thiêu đốt. Đây là việc không thể nghĩ bàn; hết thấy chúng sinh như chúng ta đều không có năng lực này, nhưng có thể được với một điều kiện, chính là đối với Bồ Tát hoàn toàn khẳng định tin tưởng, không một chút nghi ngờ; ví như vào trong lửa dữ, bị lửa thiêu đốt thân thể thành tro than vẫn không khởi lên một niệm nghi ngờ. Làm được như vậy thì mới có thể vào trong lửa dữ thật không bị thiêu đốt; bằng như lúc ấy còn có một chút nghi ngờ thì sẽ không có sự cảm ứng.

Trước đây trong phần cương lĩnh tổng quát cũng đã có nói qua, đã có nêu ra vấn đề này. Có rất nhiều người trải qua nhiều năm niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, vì sao không hề có sự cảm ứng? Không phải đã nói với quý vị rồi sao, trong kinh đã nói rất rõ ràng là phải “nhất tâm xưng danh”, chỉ cần trong tâm những người ấy khởi lên một chút nghi ngờ thì đã không phải là nhất tâm; vừa khởi một ý niệm thì công phu đã không còn thuần nhất. Không cần nói đến nhất tâm, chỉ cần công phu thuần nhất là đã có cảm ứng rồi, huống chi là đạt được nhất tâm?

Vì vậy, khi chúng ta không có sự giao cảm với chư Phật Bồ Tát trong tâm đạo, không đoạn trừ được phiền não, không tránh khỏi được tai nạn thì phải quay lại tự xét mình. Chúng ta ngay cả công phu thuần nhất còn chưa đạt được, suốt ngày từ sáng đến tối trong tâm vẫn toàn là vọng tưởng tạp niệm. Nguyên lực và tâm từ bi của Bồ Tát tuy rộng lớn, nhưng tự chúng ta không có khả năng tiếp nhận, cho nên không được sức gia trì của ngài. Đó không phải do ngài không gia trì, mà là do chính chúng ta tạo ra chướng ngại, ngăn cản thần lực gia trì. Sức mạnh từ bản thân chúng ta rất lớn, trong kinh điển dạy rằng: “Tâm, Phật và chúng sinh, ba điều này không khác biệt nhau”, nghĩa là đều có năng lực như nhau. Vì vậy, do chính chúng ta tạo ra chướng ngại nên tâm đạo không thể giao cảm với Bồ Tát. Nếu chúng ta thật sự tin tưởng, không một chút nghi ngờ thì tự nhiên chướng ngại sẽ được trừ bỏ, thần lực của Phật Bồ Tát mới có thể gia trì. Sức mạnh

này, khoa học ngày nay gọi là cảm ứng tâm linh, thành tâm đến cực điểm thì sẽ có cảm ứng.

Không cần nói đến mối tương quan giữa Phật Bồ Tát với chúng ta, mà ngay cả trong chúng sanh phàm phu cũng có mối tương quan, như trường hợp “mẹ con giao cảm”. Thuở xưa có những trường hợp như vậy, trong lịch sử có ghi chép lại. Khi người mẹ suốt ngày lo lắng cho con, người con ở xa cũng rất hiếu thảo, thường nhớ đến mẹ. Người mẹ nhớ con, cắn ngón tay; người con cảm thấy nhói đau trong lòng. Đó là mẹ con giao cảm, cũng chính là sự cảm ứng tâm linh. Trong tâm của mẹ và con đều không có sự nghi ngờ, không có vọng niệm, cho nên có sự cảm ứng. [Chúng sanh phàm phu còn được như vậy,] huống chi là giữa Phật Bồ Tát đối với chúng ta. Quý vị cứ từ những ý nghĩa và sự thật này mà suy xét thêm, ý nghĩa cảm ứng là hoàn toàn chân thật. Nếu không hiểu ý nghĩa này, quý vị sẽ không thể đạt được sự cảm ứng; nếu hiểu rõ ý nghĩa này, sự cảm ứng sẽ đến rất nhanh; chúng sinh có cảm, Bồ Tát lập tức có ứng.

Tình thương của mẹ đối với con là duyên theo sự luyện ái, nhưng tình yêu thương đó cũng là vô điều kiện. Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh là tâm đại bi đồng thể, là tâm đại từ không duyên theo ngoại cảnh, năng lực này vượt xa tình luyện ái giữa mẹ và con, có lẽ nào lại không có sự cảm ứng? Chỉ là vì chúng ta xem Phật Bồ Tát như người ngoài nên không thể khởi sinh sự cảm ứng.

Chư Phật Bồ Tát trong mỗi một niệm tưởng đều nghĩ đến chúng sinh, còn chúng sinh trong mỗi một niệm tưởng đều không nhớ đến chư Phật Bồ Tát, cho nên mới không thể khởi sinh tác dụng. Điều này nói lên thần lực của Bồ Tát, chứng minh Bồ Tát thật sự có năng lực gia trì chúng sinh; nếu chúng sinh có sự chiêu cảm, chư Phật Bồ Tát thật sự có ứng hiện. Nhưng quý vị nhất định phải ghi nhớ một câu quan trọng nhất trong kinh điển, đó là “nhất tâm xưng danh”. Lúc nào được như vậy thì sẽ được hào quang và oai đức từ nơi tâm đại bi của Bồ Tát bao trùm che chở, mới có thể không rơi vào nạn lửa. Chỗ này trong sách nói đơn giản: *“Bồ Tát xa lìa trần cảnh quay về chân tánh nên có oai lực gia trì che chở, khiến cho chúng sanh trì niệm danh hiệu thì dù vào trong lửa dữ cũng không bị thiêu đốt.”*

Tiếp theo dẫn một câu chuyện để suy ngẫm, có ghi chép trong Quán Âm Bồ Tát Cảm Ứng Lục. Đây là câu chuyện của cư sĩ Chúc Trường Thư thời nhà Tấn.

Chuyện kể rất rõ ràng, Chúc Trường Thư là người Lạc Dương, nay là Hà Nam. Ở Trung quốc đại lục, đa phần sống trong nhà tranh, các bạn trẻ ở Đài Loan bây giờ chưa từng nhìn thấy. Quý vị nào ở độ tuổi 20, 30, sinh ra sau khi chính

phủ đến Đài Loan, do kinh tế phát triển, đời sống khá giả nên hiện tại chẳng còn ai sống trong nhà tranh. Ở Đài Loan chúng ta không tìm thấy nhà tranh. Còn nhà cửa trên đại lục [ngày xưa] đều là tự xây dựng, tường trát đất, mái lợp tranh. Nhưng nhà tranh thật sự cũng có ưu điểm, mùa đông ấm, mùa hè mát; do tường đất dày nên mùa đông ấm mùa hè mát, có phong cách riêng, sống trong đó rất thoải mái. Nhưng nhà tranh sợ nhất là lửa, chỉ cần một que diêm, một đóm lửa cũng có thể gây hỏa hoạn. Trên đại lục, nhà tranh rất nhiều, nhà gạch ngói là giàu có, người bình thường đều ở nhà tranh.

Khi ấy, căn nhà tranh của Chúc Trường Thư “bị đám cháy lớn lan đến gần”. Lúc đó nhà hàng xóm đã cháy, sắp lan đến nhà ông. “Mấy nhà hàng xóm đều vội vàng dọn đồ đạc”, người khác thấy lửa cháy, vội vàng mang đồ quý giá ra ngoài. Ông tin vào Bồ Tát Quán Thế Âm, hoàn toàn không nghi ngờ. Nếu người khác trong tình huống này hẳn sẽ nghĩ: “Bồ Tát Quán Thế Âm chưa chắc đáng tin, nếu nhà vẫn bị cháy thì sao?” Chỉ cần một niệm nghi ngờ này là không được. Chúc Trường Thư có lòng tin kiên định, không có nghi ngờ, lúc này hoàn toàn nương tựa vào Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông nhất tâm, quý vị chú ý hai chữ “nhất tâm” này, “nhất tâm xưng danh”, then chốt nằm ở hai chữ này. Trong đoạn văn này, hai chữ “nhất tâm” là then chốt. Ông không có niệm gì khác, không lo lắng, không nghi ngờ, cũng không có bất kỳ suy nghĩ nào khác, chỉ nhất tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Lửa cháy đến nhà ông thì chuyển hướng sang nơi khác, nhà ông không bị cháy.

Người khác cảm thấy kỳ lạ, cũng có người không cho là đúng, lý giải rằng lúc lửa cháy gần đến nhà ông, do may mắn là gió đổi hướng, thổi lửa đi nơi khác, chưa chắc là Bồ Tát thật linh hiển. Chúc Trường Thư nghe như vậy vẫn không dao động. Những người trong làng khi ấy nghĩ, “ông nói Bồ Tát Quán Thế Âm linh hiển, vậy để chúng ta thử xem”, họ liền cố ý phóng hỏa đốt nhà vào ban đêm, đốt liên tiếp ba ngày mà nhà ông vẫn không bị cháy. “Phóng hỏa đốt nhà ông”, trong sách nói rất đơn giản. Đó là họ lợi dụng lúc đêm tối, mỗi đêm đốt một lần, nhưng đốt không cháy được. Đêm thứ hai lại đốt, cũng không đốt cháy được. Đêm thứ ba lại đốt nữa. Liên tiếp ba đêm đều có người cố ý đốt nhà ông, đều không đốt cháy được. Từ đó, mọi người trong làng đều niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, mới biết thật sự là do thần lực cảm ứng của Bồ Tát, không phải ngẫu nhiên. Không có những người nghi ngờ này thì không thể làm rõ việc Bồ Tát thật sự có uy lực, lại cũng chứng minh cư sĩ Chúc Trường Thư thật sự nhất tâm xưng danh, không có nghi ngờ.

Ngày nay chúng ta cầu nguyện nhiều, đều do tâm không thành; tâm không thành thì không có cảm ứng. Ví dụ này, chúng ta không nên xem là ngẫu nhiên, nhất định không phải ngẫu nhiên. Tự chúng ta nhất tâm xưng danh thì sẽ có cảm ứng, giống như cư sĩ Chúc Trường Thư vậy. Cho nên, nhất tâm là điều quan trọng nhất.

Tôi kể thêm một câu chuyện, xảy ra ở Đài Loan, chúng ta đã chứng kiến. Khi tôi học với thầy Lý ở Đài Trung, quý vị biết rằng Đài Trung có nhà sách Thụy Thành, thường in sách Phật. Cả nhà họ đều học Phật, là đại hộ pháp của thầy Lý. Lúc đó tôi đang ở Đài Trung, khi thầy Lý giảng kinh, chúng tôi cùng nghe, ông chủ Thụy Thành cũng đang nghe. Ông chủ già lúc đó còn sống, cùng con trai ông là Hứa Viêm Đôn cũng đang nghe giảng kinh. Nghe được nửa chừng, người nhà chạy đến báo nhà hàng xóm cháy, sắp lan đến nhà họ. Hai cha con ông chủ Thụy Thành rất đáng khen, họ nghe xong xem như không có chuyện gì, vẫn tiếp tục nghe giảng kinh, không hề hoảng hốt. Họ không vội về nhà dọn máy móc, cứu hỏa, cứ xem như không có chuyện gì, vẫn ngồi đó nghe kinh. Đến khi giảng kinh xong, nghe nói lửa đã tắt, nhà họ không bị cháy. Thầy Lý xuống tòa, gọi hai người lại, gật đầu nói: “Hay, khá lắm! Hai người cũng khá lắm.” Nếu là người khác hẳn đã loạn tâm rồi; hai người họ nghe rồi xem như không có chuyện gì, như lửa không cháy nhà họ, đến nhà họ thì tắt.

Chuyện như vậy chúng ta nghe qua có vẻ như ngẫu nhiên, nhưng thật ra không hề ngẫu nhiên. Một niệm thanh tịnh thì một niệm cảm ứng, niệm niệm thanh tịnh thì niệm niệm cảm ứng. Đó gọi là, một niệm cảm ứng một niệm Phật, niệm niệm cảm ứng niệm niệm đều là Phật. Nếu chúng ta khởi tâm nghĩ rằng “để tôi cũng thử làm xem có được không” thì sẽ không có cảm ứng. Vì sao? Vì tâm không chân thành, tâm không chuyên nhất. Quý vị khởi tâm cầu may, khởi tâm muốn thử nghiệm, như vậy là không chân thành. Đó không phải tâm chuyên nhất, vì tâm chuyên nhất thì không có ý niệm nào khác.

Mời quý vị xem tiếp phần thứ hai, nói về “thoát nạn nước trôi”.

“Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu ngài, liền được đến chỗ cạn.”

Nói “nước lớn”, vì dòng nước nhỏ không gây thành tai nạn. Nước lớn tức là lúc lũ lụt. “Kinh nói: Thứ ba là,” ở đây chỉ kinh Lăng nghiêm. “Xoay cái nghe vào trong, nên khiến cho các chúng sinh dù bị nước lớn cuốn trôi cũng không bị nhấn chìm.”

Trong bốn đại thì “nghe” thuộc về thủy đại. “Cái nghe xoay chuyển thì lìa nước bên ngoài trần cảnh, nên không bị nước nhận chìm.” Xoay cái nghe vào

trong, đây là nguyên do thần lực của Bồ Tát, do xoay lại quán xét tánh nghe, xoay chuyển cái nghe hư vọng, trở về cái nghe chân thật, ý nghĩa cũng giống như phần trước [nói về cái thấy]. Trước đây nói cái thấy thuộc về hỏa, ở đây cái nghe thuộc về thủy. Nghiệp nghe của chúng sinh chiêu cảm, tức nghiệp nghe bên trong tương cảm với cảnh giới bên ngoài, mới hiện ra tai nạn nước trôi. Từ đó có thể thấy, thiên tai, tức tai họa tự nhiên, cũng là do chúng sinh tạo tác nghiệp chung. Nếu không có nhận thức tương đối về Phật pháp thì cũng khó tiếp nhận ý nghĩa này. Những điều này trong Phật pháp thuộc về giáo lý thâm sâu. Người bình thường tiếp nhận giáo lý nông cạn thấy rất có lý, có thể tiếp nhận, nhưng những chỗ quá sâu xa như thế này họ không thể lý giải, không thể tiếp nhận, còn có thể chê trách cho là mê tín. Nếu người chê trách ấy có địa vị trong xã hội, có học vấn cao, có ảnh hưởng rất lớn, như vậy thì họ tạo nghiệp cũng rất sâu nặng.

Vì vậy, đức Phật dạy chúng ta, sau khi Phật diệt độ, chúng ta có thể tuân theo “tứ y pháp” thì cũng giống như Phật còn tại thế. Trong tứ y pháp, trước tiên là nguyên tắc “y pháp bất y nhân” (y theo pháp, không y theo người). Ngày nay, bất kể một người có địa vị cao đến đâu, danh tiếng lớn đến đâu, nếu lời nói của họ không thấy trong kinh điển thì chúng ta không tin theo. Chúng ta phải lấy chánh pháp, lấy kinh điển làm căn cứ, không thể lấy tri kiến của người khác làm căn cứ, điều này rất quan trọng. Vì người thế gian đối với những người có danh tiếng đều có tâm kính trọng, ngưỡng mộ, lời họ nói dễ được tin theo. Còn đức Phật cách chúng ta quá xa, chúng ta quên lời Phật dạy, tin theo những người ấy. Nếu tri kiến của họ sai, chúng ta cũng đi theo con đường sai lầm, như vậy thì tai hại rất lớn.

“Xoay cái nghe vào trong thì không tạo nghiệp nghe, nên nước không thể nhận chìm.” Chúng ta là phàm phu nhưng nếu có thể nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì gặp nạn nước lớn cũng có thể bảo toàn tính mạng, thoát khỏi tai nạn. Việc gặp nạn nước trôi mà thoát được nhờ “nhất tâm xưng danh” có rất nhiều ví dụ, ở đây dẫn ra một ví dụ là chuyện ngài Đạo Quýnh. Câu chuyện của ngài Đạo Quýnh trong sách này ở trang 1089, tức trong phần Âm nghĩa cuối sách, quý vị ghi nhớ, khi có thời gian thì xem qua. Những ví dụ như vậy rất nhiều, không kể xiết, quý vị có thể xem trong Quán Thế Âm Bồ Tát Linh Cảm Lục. Vẫn chỉ là một nguyên tắc: “nhất tâm xưng danh”, bốn chữ này nhất định không thể bỏ qua, mới có thể đạt được sự cảm ứng.

Phần thứ ba nói về “thoát nạn la-sát”, mời quý vị xem kinh văn.

“Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh, vì cầu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, châu châu v.v... mà vào biển lớn, giả sử có gió đen thổi thuyền trôi dạt vào nước la-sát, trong số đó dù chỉ có một người xưng danh hiệu

Bồ Tát Quán Thế Âm thì tất cả những người đó đều được giải thoát khỏi nạn la sát. Do nhân duyên này, nên ngài có tên gọi là Quán Thế Âm.”

Chúng ta đều có thể tin chắc rằng, người thế gian ai cũng hy vọng có cuộc sống giàu có hạnh phúc, không thích nghèo khó. Chỉ có rất ít ngoại lệ. Những ai có thể cả đời sống trong nghèo khó thì đều là nhân vật không tầm thường, tâm địa thanh tịnh, biết đủ thường vui, không phải người thường. Trên đại lục có rất ít người như vậy. Trước đây tôi được nghe, dường như là Lão hòa thượng Nam Đình, kể một câu chuyện về người cùng quê. Hòa thượng là người Thái Châu, Giang Tô, kể rằng có một ông lão là người ăn xin. Sau này đứa con trai ông ấy thành đạt, có địa vị trong xã hội, giàu có, vì cha ở ngoài đi ăn xin, con trai cảm thấy rất xấu hổ. Do vậy tìm cách mời ông lão về. Ông về nhà, ở chưa đầy một tháng, lại lén bỏ đi ăn xin nữa. Người ta hỏi tại sao? Ông nói như vậy được tự do! Xin được thức ăn no rồi thì đi chơi khắp nơi, ngao du sơn thủy, rất tự do tự tại! Ông nói rằng về nhà có nhiều người hầu hạ, thấy rất khó chịu. Người như vậy không phải người thường, thật không đơn giản. Biết sống thanh tâm quả dục, được thanh tịnh tự tại.

Vì vậy, người tu đạo muốn sống cuộc sống nghèo khó, không muốn giàu có, yên trong cảnh nghèo mà vui với đạo. Ngày xưa, ngoài những người xuất gia tu đạo, còn có những vị ẩn sĩ, có học vấn, đạo đức, không muốn ra làm quan, chỉ muốn sống cuộc sống thanh bần. Xem như các nhà văn thời xưa, không phải là không có học vấn, không có năng lực, nhưng còn đi khắp nơi mượn tiền bạn bè, mua rượu thiếu, còn nợ nhiều tiền, nợ nần rất nhiều, trong đó họ lại có niềm vui riêng.

Nhưng đó là số ít, còn đa số đều cầu giàu sang. Vì vậy người xưa thường nói “thanh bần trước phú”, thanh cao thì nhất định là nghèo khó, nghèo khó mới hiển thị thanh cao. Ví dụ như các vị cao tăng, chỉ thanh bần mới thật cao tăng, giàu có thì là tục tăng, không phải cao tăng. Vì vậy, người thế gian đa số cầu tài phú, cầu công danh, cầu phú quý, đó là thói thường của con người.

“Vào biển cầu châu báu”, như ngày nay tức là thương gia buôn bán với nước ngoài. Phương tiện giao thông tàu thuyền ngày xưa chưa phát triển như bây giờ, đều là thuyền buồm, đi trên biển rất dễ gặp nạn. Không như bây giờ, tàu hàng ngàn tấn, hàng vạn tấn không dễ gặp nạn. Ngày xưa tàu lớn nhất cũng chỉ vài chục tấn, thuyền lớn đóng bằng gỗ. Quý vị có thể xem câu chú giải này: “Vào biển cầu châu báu, kết bạn không biết bao nhiêu người”, nghĩa là luôn phải kết bạn đồng hành, mỗi lần ra khơi đều có nhiều tàu, “cuối cùng không thể đi một mình”, nhất định phải có bạn đồng hành, “nên nói tổng số trăm ngàn vạn ức,

không xác định được bao nhiêu người”, là nói ý nghĩa số lượng ở đây. “Vào biển, kinh Hiền Ngu nói, trông trượt lợi gấp trăm”, đây là nói lợi nhuận của nông dân, “buôn bán gấp ngàn, làm quan gấp vạn, vào biển may mắn về được”, là nói thật sự tìm được châu báu trở về, “thì được đến vô số lần”. Đây là vì muốn được châu báu nên mới mạo hiểm; mạo hiểm lớn như vậy để vào biển tìm châu báu.

“Kinh A Hàm nói, gió thêm đen, sợ hãi lắm.” Gió đen là gì? Như bây giờ biết là lốc xoáy, bão lớn. Ngày xưa trên biển, không dự báo thời tiết chính xác như bây giờ, hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm, đi biển phải dựa vào kinh nghiệm. Gặp nạn gió, nếu gần đó không có đảo an toàn tránh gió, lúc này khó tránh khỏi tai nạn. “La-sát” là loài quỷ ăn thịt người, thường sống trên đảo. Ngày nay nói ra người ta không tin, có người nói có thể là người man rợ, tức các tộc người ăn thịt người, là gặp phải những người này. Thuyền trôi dạt vào đảo của họ, gặp những người như vậy rất nguy hiểm, “la sát là quỷ ăn thịt người”. “Một người xưng danh hiệu, những người khác đều được giải thoát, vì cùng hoạn nạn, tuy miệng không cùng xưng, tâm giúp tìm phước, nên đều được cứu.” Đây là nói trong số bạn đồng hành, có một hai người có thể nhất tâm xưng danh, cầu Bồ Tát cứu nạn này, đều có thể được cảm ứng, đều có thể thoát nạn. Ý nghĩa ở đây là, mọi người cùng trong hoạn nạn thì dễ đồng tâm đồng nguyện. Tai nạn đang xảy ra, không có cách nào khác, nên người không tin cũng niệm, cũng niệm theo. Hơn nữa, trong lúc nguy nan này, tâm niệm Phật đặc biệt thành khẩn. Vì sao? Vì không có vọng niệm, chuyện sống chết là quan trọng. Vì niệm như vậy nên rất dễ được cảm ứng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Thứ tư, dứt trừ vọng tưởng, tâm không giết hại, nên khiến cho các chúng sinh dù vào các nước quỷ, quỷ không thể làm hại.”* Đây là kinh văn. Bồ Tát Quán Thế Âm “diệt vọng đoạn sát”, đã dứt trừ sạch sẽ, nên có thể “xa lìa quỷ ác hại”. Trong đoạn này dẫn Kinh Lăng Nghiêm có hai câu rất quan trọng, chúng ta nhất định phải tu học, đó là “dứt trừ vọng tưởng, tâm không giết hại”, hai câu này rất quan trọng. Vọng tưởng là ý thức thứ sáu, trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nhiều lần dạy rằng, đây không phải chân tâm của chúng ta. Vọng tưởng có thể chướng ngại pháp thân huệ mạng của chúng ta, giống như quỷ la sát có thể hại thân mạng chúng ta. Vọng tưởng gây chướng ngại khiến cho pháp thân huệ mạng của ta không thể hiển hiện. Từ đó có thể thấy, giao cảm với ma quỷ chính là vọng tưởng. Nếu vọng tưởng không sinh, ma quỷ dù nhiều cũng không thể gây hại. Đừng nói là quý vị niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho dù không niệm, ác quỷ cũng không thể làm hại quý vị. Bởi vì, do vọng với vọng giao cảm nên mới có những tai nạn này hiện ra.

Muốn dứt trừ vọng tưởng, nhất định phải học Phật pháp, nhất định phải tu tâm thanh tịnh. Không có vọng tưởng, tâm liền thanh tịnh; không giết hại, tâm liền từ bi. Người khác hại mình, giết mình, chúng ta cũng không khởi niệm báo thù, như vậy thì tai nạn này mới có thể vĩnh viễn dứt trừ. Người khác hại mình, giết mình, chúng ta phải suy nghĩ, đời trước nhất định có nhân nghiệp. Tại sao không giết người khác, tại sao không hại người khác, lại giết hại mình? Phải nghĩ đến đạo lý nhân quả luân hồi trong kinh Phật thường nói, “một miếng ăn, một ngụm nước, đều do tiền định”. Đời trước mình không hại họ, đời này họ quyết không hại mình; mình không nợ mạng họ, họ không thể lấy mạng mình.

Thuở xưa Lục Tổ gặp một tên ám sát, tên Hành Xương, bị người phương bắc mua chuộc, bảo giết Lục Tổ, giết xong sẽ cho tiền. Vì họ ghen ghét Lục Tổ. Lục Tổ có thần thông, có tha tâm thông, đã biết trước, nên lúc đó đợi hắn đến giết, bên cạnh để sẵn mười lượng bạc. Kết quả khi hắn đến, chém xuống ba đao, lưỡi đao đều xoắn lại, Lục Tổ vẫn an nhiên bất động. Tên ám sát hoảng sợ bỏ chạy. Lục Tổ gọi hắn lại, nói rằng ta chỉ nợ người tiền, không nợ mạng sống, nên người không thể lấy mạng ta; đây có mười lượng bạc hãy lấy đi, đời trước ta nợ người, bây giờ trả người; nợ tiền trả tiền, nợ mạng trả mạng; ta không nợ mạng người nên đưa cổ cho người chém ba đao cũng không bị thương.

Vì vậy, khi bị người khác làm hại, chúng ta hãy nghĩ rằng đời trước mình đã hại họ, hôm nay họ hại mình. Tốt thôi, một báo trả một báo, việc này xong. Từ nay về sau bắt tay làm bạn tốt, giúp đỡ lẫn nhau, oán kết mới giải. Nhất định phải tu tâm đại từ bi, oán oán tương báo thì không bao giờ dứt.

Quý vị xem trong An Sĩ Toàn Thư, bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, thử nghĩ xem như Văn Xương Đế Quân trong mười bảy đời trước kết oan gia, đời đời kiếp kiếp báo oán qua lại, thâm trầm không kể xiết. Cuối cùng gặp Bồ Tát mới tỉnh ngộ, oán kết mới giải trừ. Vì vậy, chúng ta đối với bất kỳ người xấu ác nào, quyết không có một niệm báo thù, tai nạn của chúng ta mới có thể tiêu trừ. Nhất tâm xưng danh cầu Bồ Tát gia trì thì tai nạn sẽ được tiêu trừ. Những ý nghĩa này nếu thấu hiểu thì oan gia trái chủ từ vô thủy kiếp đều có thể hóa giải, tại sao chúng ta không làm?

Nguyên do năng lực gia trì của Bồ Tát Quán Thế Âm là “xoay cái nghe vào nghe tự tánh”, “ngược vọng quay về chân”, “ngoài không duyên theo trần cảnh, trong không tìm cầu căn”, gọi là “căn không gặp trần”, vọng tâm tự nhiên dứt mất. Bồ Tát không có vọng tưởng. Bồ Tát không giết hại nên trong tâm ngài căn bản không có ma quỷ. Không ma cũng không quỷ, ma và quỷ đều hại người, ngài

dùng thần lực này gia trì cho tất cả chúng sinh, dù gặp những quỷ này cũng không bị hại, có thể khiến những chúng sinh này thoát khỏi nước quỷ la sát.

Nhưng chỗ này phải chú ý, tức là nhất định phải “nhất tâm xưng danh” quỷ mới không thể hại. Bình thường chúng ta phải tu tâm, tu tâm thanh tịnh, tu tâm từ bi. Chỉ có tâm địa thanh tịnh, từ bi mới có thể lìa tất cả ma quỷ. Quý vị xem những chuyện trong Liêu Trai Chí Dị, có nhiều người nói chỉ là hư cấu, không đáng tin, nhưng những chuyện này tôi tin là có. Hoặc như sách Tử bất ngữ, rồi còn có Duyệt vi thao đường bút ký của Kỷ Hiểu Lam. Quý vị xem, đó đều là những câu chuyện yêu ma quỷ quái. Trong những câu chuyện đó, xin thưa cùng quý vị, tôi vẫn tin có bảy trên mười phần là thật, không phải hoàn toàn hư cấu, vẫn có phần là sự thật.

Thật sự có quỷ, không phải không có quỷ, và quỷ cũng thật sự có thể hại người. Có nhiều người có kinh nghiệm này, quỷ lớn thì chưa gặp nhưng đã gặp quỷ nhỏ, gây hại ít hơn. Ví dụ như trong ba mươi sáu loại quỷ có loại quỷ đè, ở đây nhiều đồng tu đã gặp. Trước khi học Phật tôi rất thường gặp, mỗi tháng gặp mấy lần. Gặp phải rồi, sau này học Phật mới suy nghĩ gặp như vậy là đúng lẽ. Vì sao? Vì có tâm giết hại. Từ nhỏ, trong khoảng ba năm, 16, 17 và 18 tuổi là lúc tôi giết hại vật mạng nhiều nhất. Ngày nào cũng đi săn, tôi bắn súng trăm phát trăm trúng, đều nhờ luyện tập mà được. Mỗi ngày tôi bắn trung bình hai mươi viên đạn, ngày nào cũng luyện tập, ngày nào đi săn cũng mang thú về. Vì vậy sau này thường bị quỷ bắt nạt. Ban đêm ngủ, quỷ đè lên người, trong tâm biết rất rõ nhưng không cử động được, kêu la thế nào cũng không ra tiếng, bị hành hạ như vậy mấy tiếng đồng hồ, thật khổ! Sau này học Phật, người ta nói với tôi, gặp chuyện này thì trong tâm nên niệm Phật A-di-đà, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Có lúc không nghĩ ra, có lúc nghĩ ra, trong mộng niệm mấy câu, quả nhiên không có nữa, rất hiệu quả. Hai mươi năm gần đây tôi chưa từng gặp nữa, với những ác quỷ này duyên đã dứt, chưa từng gặp lại. Nhưng lúc trẻ, kinh nghiệm này rất phong phú, rất thường gặp. Khi tôi học với thầy Lý ở Đài Trung, tôi hỏi thầy rốt cuộc là chuyện gì. Thầy Lý nói với tôi, loại quỷ này gọi là quỷ đè, chúng bắt nạt người, tuy không có chương ngại lớn, nhưng chúng bắt nạt quý vị. Thường là vào lúc đó vận khí không tốt, mới bị quỷ bắt nạt. Vì vậy người đời thường nói, lúc khí vượng thì quỷ thấy cũng sợ, không dám bắt nạt. Khi quỷ bắt nạt quý vị tức là lúc vận khí không tốt, đen đui mới gặp quỷ.

Đây là những điều chúng ta nhất định phải tu học: phải dứt trừ vọng tưởng, tu tâm từ bi. Không giao thiệp với quỷ thần, điểm này rất quan trọng. Đừng nghĩ rằng, nếu tôi không lạy thần đó, thần đó sẽ gây phiền phức, sẽ khiến tôi gặp tai

nạn. Đây chính là vọng tưởng của quý vị, vọng tưởng kết hợp với quỷ thần. Quỷ thần vì quý vị có vọng tưởng nên mới có thể bắt nạt. Nếu quý vị căn bản không có vọng tưởng, căn bản không lưu ý đến họ, hạnh phúc của ta là do ta tạo, có liên quan gì đến quỷ thần? Quỷ thần thấy như vậy cũng đành bỏ đi, không có cách gì làm phiền quý vị. Quỷ thần thấy có thể bắt nạt nên mới bắt nạt quý vị, không thể bắt nạt thì không dám. Những người tâm chân chánh, công hạnh chân chánh thì quỷ thần đều kính trọng, sao có thể bắt nạt?

Trong kinh cũng có một câu chuyện nói về nước Sư Tử, tức là đảo Tích Lan phía nam Ấn Độ ngày nay. Có một số người, “hơn trăm người, từ nước Sư Tử đi biển, bỗng gặp gió độc, trôi vào nước quỷ, quỷ muốn ăn hết”. Gặp những người này, hoặc quỷ la sát, quý vị gọi họ là dân tộc man rợ cũng được, dù sao thì họ cũng đều gây hại. Tất cả mọi người trên thuyền đều niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, nhưng trong đó có một người không tin, cũng không niệm. Kết quả quỷ la-sát muốn ăn thịt người này, “Tốt lắm, ta không ăn các người, riêng người không niệm Bồ Tát hãy đưa cho ta, ta ăn hẵn.” Người này sợ hãi, vội vã niệm một tiếng, cũng được thoát nạn.

Những chuyện nạn quỷ như thế này, xưng danh được Bồ Tát cứu giúp, có rất nhiều, ở đây không thể kể ra nhiều ví dụ cho quý vị. Trong khóa Phật thất này giảng bộ kinh này, quan trọng nhất là để chúng ta hiểu rõ ý nghĩa, xây dựng tín tâm, biết “nhất tâm xưng danh”, có thể quyết định cầu được sự cảm ứng. Mục đích của chúng ta ở đây là như thế. Quý vị muốn biết nhiều chuyện thì xem trong Quán Thế Âm Bồ Tát Linh Cảm Lục, sách này lưu thông rất rộng ở đây, khắp nơi đều có thể tìm xem. Quý vị đừng ngại xem nhiều, và quan trọng là phải tin chắc mỗi chuyện trong đó đều là chân thật, không phải hư cấu, không phải để lừa dối người, đều là sự thật hoàn toàn. Vì vậy, lúc xưng danh nhất định phải nhất tâm, tuyệt đối không có ý niệm khác, quyết định không nghi ngờ thì mới có cảm ứng.